

TÁC ĐỘNG CỦA ACFTA ĐỐI VỚI ASEAN 6 SAU HAI NĂM THỰC HIỆN

PGS.TS NGUYỄN THU MỸ
Đại học Đông Đô, Hà Nội

Như mọi người đã biết, ngày 1-1-2010, Khu mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc (ACFTA) đã được xây dựng xong trong khu vực ASEAN 6 và Trung Quốc. Vào thời điểm đó, 89 % các dòng thuế của ASEAN và Trung Quốc đã bị loại bỏ, 3 % còn lại trong Danh mục cắt giảm bình thường sẽ được giảm xuống mức thuế 0 % vào 1-1-2012⁽¹⁾.

Đã hai năm trôi qua, kể từ khi ACFTA được hiện thực hóa, cho tới nay có rất nhiều đánh giá khác nhau về tác động của ACFTA đối với sự phát triển kinh tế của các nước ASEAN 6, của Trung Quốc, và tác động của khu mậu dịch tự do này đối với quan hệ ASEAN- Trung Quốc.

Những nhận xét quá tích cực hay quá tiêu cực về tác động của ACFTA đều ảnh hưởng không tốt tới việc triển khai xây dựng ACFTA ở các thành viên mới của ASEAN, những nước sẽ hoàn thành việc cắt giảm thuế theo quy định của ACFTA vào 1-1-2015 cũng như tác động xấu tới quan hệ hợp tác ASEAN- Trung Quốc.

Trong bối cảnh như vậy, rất cần có những đánh giá khách quan về tác động

của khu mậu dịch tự do này nhằm chỉ ra những mặt tích cực và hạn chế của nó để sớm có biện pháp phát huy hiệu quả và khắc phục những vấn đề nảy sinh trong quá trình tiếp tục xây dựng và hoàn thiện ACFTA.

Bài viết này sẽ góp phần đáp ứng yêu cầu trên.

I. TÁC ĐỘNG CỦA ACFTA SAU HAI NĂM TỒN TẠI

1. Tác động tích cực

Để đánh giá đúng tác động của ACFTA, trước hết cần trở lại các mục tiêu mà ASEAN và Trung Quốc theo đuổi khi quyết định xây dựng khu mậu dịch tự do này. Mục tiêu cơ bản nhất của ACFTA là đẩy mạnh quan hệ mậu dịch và đầu tư ASEAN - Trung Quốc. Vậy ACFTA đã giúp ASEAN và Trung Quốc đạt được những mục tiêu đó như thế nào?

1.1 ACFTA thúc đẩy quan hệ mậu dịch ASEAN- Trung Quốc

Dưới tác động của ACFTA, mậu dịch hai chiều ASEAN- Trung Quốc đã tăng nhanh chưa từng thấy. Sự tăng trưởng

mậu dịch này được bắt đầu ngay khi hai bên thực hiện cắt giảm thuế (từ 1-1-2004) và gia tăng cùng với quá trình cắt giảm, loại bỏ thuế quan trong quan hệ mậu dịch giữa hai bên. Nếu vào năm 2004, tổng giá trị xuất khẩu của ASEAN sang Trung Quốc mới đạt 41,352 tỷ USD thì

tới năm 2008, giá trị xuất khẩu của ASEAN sang Trung Quốc đã tăng hơn 2 lần, đạt mức 85, 558 tỷ USD. Giá trị nhập khẩu từ Trung Quốc của ASEAN ở hai thời điểm trên lần lượt là 47.714 tỷ USD và 107.114 tỷ USD (Xem Bảng 1).

Bảng 1: MẬU DỊCH GIỮA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN ASEAN VÀ TRUNG QUỐC TỪ 2004-2008
(triệu đô la Mỹ)

Nước	2004	2005	2006	2007	2008
Xuất khẩu của ASEAN sang Trung Quốc	41.352	52.258	65.010	77.945	85.558
Brunây	243	234	174	201	0
Campuchia	12	15	13	11	13
Indônêxia	4.605	6.662	8.344	8.897	11.637
Lào	1	4	1	35	15
Malaixia	8.634	9.465	11.391	15.443	18.422
Myanma	75	119	133	475	499
Philippin	2.653	4.077	4.628	5.750	5.467
Xingapo	15.321	19.770	26.472	28.925	29.082
Thái lan	7.098	9.083	10.840	14.873	15.931
Việt nam	2.711	2.828	3.015	3.336	4.491
Nhập khẩu của ASEAN từ Trung Quốc	47.714	61.136	75.951	93.173	107.114
Brunây	87	94	120	157	171
Campuchia	337	430	516	653	933
Indônêxia	4.101	5.843	6.637	8.616	15.247
Lào	89	185	23	43	131
Malaixia	11.353	14.361	15.543	18.897	18.646
Myanma	351	286	397	564	671
Philippin	2.659	2.973	3.647	4.001	4.250
Xingapo	16.137	20.527	27.185	31.908	31.583
Thái lan	8.183	11.116	13.578	16.184	19.936
Việt nam	4.416	5.327	7.306	12.148	15.545

Nguồn : ASEAN Trade Statistics Database (Data as July 2009)

Kim ngạch buôn bán hai chiều giữa từng nước thành viên ASEAN với Trung Quốc cũng gia tăng nhanh chóng. Nếu năm 2004, buôn bán hai chiều Indônêxia – Trung Quốc là 8,706 tỷ, tới năm 2008 đã lên tới 26,884 tỷ đô la Mỹ.

Xuất khẩu của từng nước ASEAN cũng tăng lên với tốc độ khá cao. Ví dụ, năm 2004, Indônêxia xuất khẩu sang Trung quốc một số hàng hóa trị giá 4.605 tỷ đô la Mỹ, 4 năm sau, con số đó lên tới 11.637 tỷ, tăng hơn 2 lần. Xingapo là nước xuất

khẩu được nhiều hàng hóa nhất sang Trung Quốc. Giá trị xuất khẩu của nước này trong năm 2008 là 29,082 tỷ đô la Mỹ.

Quan hệ mậu dịch ASEAN- Trung Quốc đã tăng đột biến, kể từ sau khi ACFTA có hiệu lực trong khu vực ASEAN 6 và Trung Quốc. Năm 2010, mậu dịch hai chiều ASEAN – Trung Quốc đạt 292,8 tỷ USD⁽²⁾.

Xuất khẩu của ASEAN sang Trung Quốc tăng 37,9 % từ 81,6 tỷ USD năm 2009 lên 112,5 tỷ năm 2010. Trung Quốc trở thành thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của ASEAN. Nhập khẩu từ Trung Quốc tăng 27,5 % từ 96,6 tỷ USD năm 2009 lên 123,2 tỷ năm 2010. Đây là năm thứ hai liên tiếp, Trung Quốc là đối tác mậu dịch lớn nhất của ASEAN, chiếm 11,6 % tổng mậu dịch của ASEAN⁽³⁾. Mậu dịch song phương ASEAN- Trung Quốc tiếp tục gia tăng trong năm 2011. Theo ông Xu Ningning (Hứa Ninh Ninh), Tổng Thư ký Điều hành của Hội đồng kinh doanh Trung Quốc, trong 11 tháng đầu năm 2011, mậu dịch hai chiều Trung Quốc-ASEAN đạt 295,9 tỷ USD⁽⁴⁾.

Việc ACFTA có hiệu lực đã thúc đẩy mậu dịch hai chiều giữa các nước thành viên ASEAN và Trung Quốc. Tổng kim ngạch mậu dịch Xingapo- Trung Quốc năm 2010 lên tới 95,3 tỷ USD, tăng 25,9 % so với 2009⁽⁵⁾.

Trên cơ sở những thành tựu trên, tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN – Trung Quốc lần thứ 13 họp tháng 10/2010, tại Hà Nội, hai bên đặt mục tiêu nâng kim ngạch hai chiều lên 500 tỷ USD vào năm 2015.

Trong quan hệ mậu dịch, cơ cấu hàng hoá xuất khẩu giữa hai bên đã có sự biến đổi theo chiều hướng tích cực. Trước năm 2003, hàng hóa xuất khẩu của Indônêxia sang Trung Quốc, chủ yếu là dầu mỏ và

khí đốt. Trong 5 năm vừa qua, xuất khẩu các sản phẩm phi dầu mỏ và khí đốt của nước này sang Trung Quốc đã gia tăng và chiếm tỷ lệ lớn hơn (51%). Những hàng hóa đóng góp vào sự thay đổi cơ cấu này là mỡ và dầu động vật hoặc thực vật cùng các sản phẩm tách ra từ chúng; mỡ ăn đã chế biến; sáp động vật và thực vật ; cao su và các sản phẩm từ cao su; bột gỗ hoặc bột của các chất cellulose; giấy phế thải chế biến lại và bìa giấy ; quặng , xỉ, và tro; hóa hữu cơ; đồng và các sản phẩm từ đồng; máy móc thiết bị điện và phụ tùng; máy ghi âm và máy quay đĩa, ti vi , máy quay đĩa và các bộ phận, phụ tùng ; lò vi sóng ; máy đun nước...⁽⁶⁾

Cơ cấu xuất khẩu hàng hóa của các nước ASEAN khác sang Trung Quốc cũng có những biến đổi theo hướng gia tăng phần của hàng hóa chế tạo trong tổng hàng hóa xuất khẩu sang Trung Quốc.

Điểm đáng lưu ý là, trong khi thúc đẩy tăng trưởng mậu dịch giữa Đông Nam Á và Trung Quốc, *ACFTA không hề làm giảm kim ngạch mậu dịch giữa ASEAN và các đối tác mậu dịch truyền thống của Hiệp hội (Mỹ, EU, Nhật bản)*. Thật vậy, tổng kim ngạch mậu dịch ASEAN - Nhật Bản năm 2010 đã tăng 12 % so với năm 2009, đạt mức 1 203,9 tỷ USD⁽⁷⁾. Mậu dịch hai chiều ASEAN- Mỹ tăng 24,4 % vào năm 2010 đạt 186,1 tỷ USD so với 149,6 tỷ vào năm 2009. Xuất khẩu của ASEAN sang Mỹ tăng 27 % lên tới 85,6 tỷ USD, xuất khẩu của Mỹ sang ASEAN tăng 22% lên tới 100,5 tỷ vào năm 2010⁽⁸⁾. Theo ông Pushpanathan, Phó Tổng thư ký ASEAN phụ trách về Cộng đồng kinh tế ASEAN, mậu dịch của ASEAN với các đối tác ngoài ACFTA tăng trung bình 17,5 % từ 2005-2010⁽⁹⁾.

Từ những thực tế trên có thể khẳng định rằng ACFTA không chỉ đóng góp

vào việc tạo mâu dịch trong khu vực ASEAN – Trung Quốc mà còn không gây nên hiệu ứng chuyển hoán mâu dịch như một số nhà kinh tế đã dự báo trước đây.

1.2. ACFTA thúc đẩy đầu tư, đặc biệt là đầu tư của Trung Quốc vào ASEAN

Việc ACFTA được hiện thực hóa cũng thúc đẩy đầu tư giữa ASEAN và Trung

Quốc. Trong năm 2010, đầu tư của ASEAN vào Trung Quốc đạt 6,32 tỷ USD, tăng 35,2 %⁽¹⁰⁾.

Điểm đáng chú ý nhất về tác động của ACFTA đối với quan hệ đầu tư ASEAN – Trung Quốc là sự gia tăng đầu tư của các công ty Trung Quốc vào khu vực ASEAN.

Bảng 2 : DÒNG FDI CỦA TRUNG QUỐC Ở ASEAN

(Triệu USD)

	2003	2004	2005	2006	2007	2008
Tổng FDI của Trung Quốc ra thế giới	33.222,22	44.777,26	57.205,62	75.025,55	117.910,50	183.970,71
Xingapo	164,83	233,09	325,48	468,01	1.443,93	3.334,77
Indônêxia	54,26	121,75	140,93	225,51	679,48	543,33
Việt Nam	28,73	160,32	229,18	253,63	396,99	521,73
Myanma	10,22	20,18	23,59	163,12	261,77	499,71
Thái Lan	150,77	181,88	219,18	232,67	378,62	437,16
Campuchia	59,49	89,89	76,84	103,66	168,11	390,66
Malaixia	100,66	123,24	186,83	196,96	274,63	361,20
Lào	9,11	15,42	32,87	96,07	302,22	305,19
Philippin	8,75	9,80	19,35	21,85	43,04	86,73
Brunây	0,13	0,13	1,90	1,90	4,38	6,51
Tổng FDI của Trung Quốc trong khu vực ASEAN	586,95	955,70	1.256,15	1.763,38	3.953,17	6.486,99
Phần % của ASEAN trong tổng số	1,77%	2,13%	2,20%	2,35 %	3,35%	3,53%

Chú thích : (ii). ASEAN +3 bao gồm ASEAN, Trung Quốc, Nhật bản và Hàn quốc

Nguồn: UNCTAD. 2010a. FDI/TNC Database. http://stats.unctad.org/FDI/ReportFolders/reportFolders.aspx?sCS_referer=&sCS_ChosenLang=en.

Nhìn vào Bảng 2 chúng ta sẽ thấy FDI của Trung Quốc ở ASEAN đã tăng dần cùng với việc cắt giảm thuế theo lộ trình được đặt ra trong Chương trình thu hoạch sớm và trong Hiệp định mâu dịch hàng hóa ASEAN- Trung Quốc⁽¹¹⁾. Năm 2003, khi ACFTA chưa được bắt đầu xây dựng trong khu vực ASEAN 6 (trừ Thái Lan), FDI của Trung Quốc ở khu vực này mới chỉ là 586,95 triệu USD, tới năm

2004, năm đầu tiên tất cả các nước trong nhóm ASEAN 6 chính thức cắt giảm thuế theo quy định của EHP, FDI của Trung Quốc ở ASEAN đã tăng lên gần gấp đôi, đạt mức 955,70 triệu USD. Sự gia tăng FDI của Trung Quốc ở ASEAN vẫn tiếp tục trong các năm 2005, 2006, 2007. Đến năm 2008, tổng FDI lũy kế của Trung Quốc ở ASEAN lên tới 6.486,99 triệu USD.

Dòng FDI của Trung Quốc chảy vào ASEAN đã tăng vọt vào năm 2010, sau khi ACFTA có hiệu lực. Năm 2010, đầu tư mới của Trung Quốc ở ASEAN lên tới 2,10 tỷ⁽¹²⁾.

Điểm đáng lưu ý trong đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào các nền kinh tế ASEAN là ở chỗ các công ty Trung Quốc đã chuyển từ đầu tư để mở rộng thị trường và đảm bảo nguồn nguyên liệu cho các ngành công nghiệp Trung Quốc sang đầu tư xây dựng nhà máy, cơ sở sản xuất để khai thác những cơ hội do ACFTA đưa lại. Những phát triển mới trong khuynh hướng đầu tư trên của các công ty Trung Quốc tại ASEAN cũng bác bỏ một luận điểm cho rằng các công ty Trung Quốc sẽ không di chuyển các cơ sở sản xuất tập trung lao động ở nước họ sang ASEAN, đặc biệt là sang các nước CLMV bởi vì, không giống như Nhật Bản, Trung Quốc rất dồi dào nguồn lao động không có kỹ năng.

Một điểm đáng lưu ý nữa là sự gia tăng FDI của Trung Quốc vào các nền kinh tế ASEAN không làm giảm nguồn FDI từ Mỹ, Nhật Bản, EU và các đối tác kinh tế lớn khác chảy vào ASEAN. FDI của Nhật Bản vào ASEAN tăng 124,3 % từ 3,8 tỷ USD năm 2009 lên 4 tỷ năm 2010. Nhật Bản vẫn là nguồn vốn đầu tư quan trọng của ASEAN chiếm 11,4 % tổng FDI vào ASEAN năm 2010⁽¹³⁾. FDI của Mỹ ở ASEAN tăng 100%, từ 4,1 tỷ USD năm 2009 lên 8,4 tỷ USD năm 2010. Mỹ là nhà đầu tư lớn thứ ba ở ASEAN⁽¹⁴⁾. Năm 2009, FDI lũy kế của EU ở ASEAN lên tới 7,2 tỷ USD chiếm 18,4 % tổng FDI ở ASEAN (tổng FDI vào ASEAN năm 2009 là 39,6 tỷ USD)⁽¹⁵⁾.

Sự gia tăng quan hệ mậu dịch và đầu tư giữa ASEAN với các đối tác kinh tế

truyền thống của Hiệp hội này cho thấy sự tồn tại của khu mậu dịch tự do này không ảnh hưởng tiêu cực tới quan hệ kinh tế của Mỹ, Nhật Bản, EU đối với ASEAN. Điều này có nghĩa là lợi ích kinh tế của các nước lớn trên ở Đông Nam Á không bị suy giảm do sự hiện diện của ACFTA.

Ngoài tác động thúc đẩy hợp tác mậu dịch đầu tư giữa ASEAN và Trung Quốc, việc xây dựng thành công ACFTA còn tác động tích cực tới quan hệ của ASEAN với các đối tác đối thoại khác của Hiệp hội. Nhật Bản, Mỹ và ngay cả EU cũng có thể chưa nghĩ tới việc xây dựng các FTA song phương với ASEAN, nếu Trung Quốc không đề xuất sáng kiến này và tích cực cùng ASEAN hiện thực hóa sáng kiến đó.

Việc tất cả các nước lớn đều triển khai xây dựng khu mậu dịch tự do với ASEAN đang tạo cơ hội cho các thành viên của Hiệp hội này tiếp cận dễ dàng hơn thị trường của các đối tác trên. Đây chính là một lợi ích quan trọng khác mà ASEAN đang được hưởng, dù điều này có thể nằm ngoài ý định của Thủ tướng Trung Quốc thời gian đó là Chu Dung Cơ, người đề xuất sáng kiến ACFTA tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN- Trung Quốc lần thứ 3 tổ chức ở Manila cách đây gần 9 năm.

2. Các tác động tiêu cực

Những lợi ích kinh tế, chính trị của ACFTA là điều không thể phủ nhận.

Tuy nhiên, những hệ lụy kinh tế- xã hội của khu mậu dịch này, đặc biệt ở các nước kém phát triển trong ASEAN 6, nhất là Indônêxia, cũng là một thực tế phải thừa nhận. Về cơ bản, có hai vấn đề lớn sau đã nảy sinh từ sự hiện diện của ACFTA ở một số nước ASEAN 6:

2.1. Làm gia tăng thâm hụt mậu dịch của ASEAN trong quan hệ thương mại với Trung Quốc

Theo Phó Tổng Thư ký ASEAN phụ trách về Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) Pushpanathan: “Cân bằng mậu dịch có lợi cho Trung Quốc dựa trên các dữ liệu 3 năm gần đây, nhưng đang giảm xuống. Thâm hụt mậu dịch 21,7 tỷ USD trong năm 2008, đã giảm xuống 15 tỷ năm 2009 và xuống còn 10, 7 tỷ năm 2010”⁽¹⁶⁾.

Trong số các nước ASEAN 6, tình trạng thâm hụt mậu dịch diễn ra nặng nề nhất ở Indônêxia. Quá trình này xảy ra một cách từ từ và đang trở nên ngày càng trầm trọng hơn. Năm 2004, khi các quy định của ACFTA chưa được thực hiện ở Indônêxia, thặng dư mậu dịch với Trung Quốc là 195 triệu USD. Thặng dư mậu dịch tiếp tục gia tăng và lên tới 819 triệu

USD vào năm 2005, khi Indônêxia cắt giảm thuế đợt 1 vào 1-7-2005. Tới năm 2006, Indônêxia được lợi 1,7 tỷ USD trong quan hệ mậu dịch với Trung Quốc. Năm 2007, thặng dư mậu dịch của Indônêxia vẫn được duy trì, nhưng đã giảm 35 % so với năm 2006, xuống còn 1.1 tỷ USD, sau khi nước này thực hiện việc cắt giảm thuế vòng 2 từ ngày 1-1-2007.

Năm 2008, Indônêxia bắt đầu bị thâm hụt mậu dịch với Trung Quốc. Mức thâm hụt lên tới 3,6 tỷ USD⁽¹⁷⁾. Năm 2009, mức thâm hụt giảm xuống 2,6 tỷ USD, nhưng lại tăng lên gấp đôi so với năm trước lên tới 5,6 tỷ. Tháng 1/2011, thâm hụt tăng 40 % so với cùng kỳ 2010 (Xem Bảng 3).

Bảng 3 : MẬU DỊCH INDÔNÊXIA- TRUNG QUỐC TỪ 2004- 1/ 2011 (USD)

Năm	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Thặng dư/ Thâm hụt
2004	4.927.233.190	4.101.331.098	195.902.013
2005	6.662.353.805	5.842.862.513	819.491.292
2006	8.343.571.337	6.636.895.111	1.706.676.226
2007	9.675.512.723	8.557.877.121	1.117.635.602
2008	11.636.503.721	15.247.168.927	-3.610.665.206
2009	11.499.327.261	14.054.809.205	-2.555.481.944
2010	14.080.900	19.688.000	-5.607.100.000
Tháng 1/ 2010	1.010.900	1.406.000	-395.100.000
Tháng 1/2011	1.152.700.000	1.815.200.000	-662.500.000

Nguồn The Central Statistics Agency(BPS)

Ở Thái lan, thâm hụt mậu dịch với Trung Quốc diễn ra ngay từ khi hai nước chuyển trọng tâm hợp tác từ chính trị- an ninh sang đối tác kinh tế.

Bảng 4 : QUAN HỆ MẬU DỊCH THÁI LAN- TRUNG QUỐC 1991-2008*(Đơn vị tính : Triệu USD)*

Năm	Tổng mậu dịch	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cân bằng mậu dịch
2002	8,452.54	3,555.04	4,897.50	-1.342,47
2003	11,691.24	5,688.92	6,002.32	-313,41
2004	15,257.08	7,113.45	8,143.62	-1.030,17
2005	20,325.57	9,167.55	11,158.02	-1.990,47
2006	25,331.95	11,727.95	13,604.00	-1.876,05
2007	31,046.61	14,821.71	16,224.90	-1.403,18
2008(Jan-Sep)	28,635.04	12,855.18	15,779.85	-2.924,67

Nguồn: Ministry of Commerce (Information and Communication Technology Center with Cooperation of the Customs Department)

Mức thâm hụt đã giảm 1.342,47 tỷ USD năm 2002 xuống còn 313,41 triệu USD năm 2003, sau khi Thái Lan cắt giảm thuế theo EHP vào ngày 1/10/ 2003. Tuy nhiên, trong các năm tiếp theo, thâm hụt mậu dịch của Thái Lan với Trung Quốc lại tăng mạnh, lên tới 2.924,67 triệu USD trong thời gian từ tháng 1 tới tháng 9 năm 2008. (Xem Bảng 4).

Năm 2010, mậu dịch Thái- Trung đạt 52,95 tỷ USD tăng 38,6 % so với năm trước⁽¹⁸⁾. Tuy nhiên, tình trạng thâm hụt mậu dịch của Thái Lan vẫn tiếp tục.

Theo một số nhà nghiên cứu Thái Lan, thâm hụt mậu dịch đã trở thành một trong 3 vấn đề lớn cản trở sự phát triển của quan hệ Thái Lan – Trung Quốc trong những năm sắp tới.

Xingapo, nước có trình độ phát triển cao nhất của ASEAN, cũng chịu thâm hụt mậu dịch với Trung Quốc. Những số liệu của Ban Thư ký ASEAN cho thấy năm 2004, Xingapo xuất khẩu lượng hàng hóa trị giá 15.312 triệu USD sang Trung Quốc, nhưng giá trị nhập khẩu từ nước

này lên tới 16.137 triệu USD. Các năm tiếp theo, giá trị xuất khẩu đều thấp hơn giá trị nhập khẩu. Ví dụ, năm 2008, tổng giá trị xuất khẩu của Xingapo sang Trung Quốc là 29.082 triệu USD, trong khi đó tổng giá trị nhập khẩu là 31.583 triệu USD (Xem Bảng 1).

Điểm qua tình trạng thâm hụt mậu dịch của các nước ASEAN 6 với Trung Quốc có thể thấy hầu như nước nào cũng chịu thua thiệt trong quan hệ mậu dịch với Trung Quốc. Sự khác nhau giữa các nước đó chỉ là mức độ thâm hụt mà thôi. *Điều đáng lưu ý là mức độ thâm hụt mậu dịch của các nước đó với Trung Quốc tăng tỷ lệ thuận với tốc độ cắt giảm thuế theo ACFTA.*

Từ thực tế trên có thể nói *đang có sự phân phối không công bằng các lợi ích của ACFTA. Nước được lợi nhiều hơn từ ACFTA là Trung Quốc.* Như vậy, cho tới nay ACFTA *chưa phải là một khu vực mậu dịch tự do cùng thắng* mà một số quan chức và nhà nghiên cứu Trung Quốc thường nói.

2.2. Tình trạng phá sản doanh nghiệp đang diễn ra tại một số nước ASEAN dưới tác động của ACFTA

Việc hoàn tất cắt giảm thuế theo quy định của ACFTA đã khiến cho hàng hóa, đặc biệt là các sản phẩm của các ngành công nghiệp tập trung lao động tràn ngập thị trường của một số nước ASEAN, đặc biệt là thị trường các nước kém phát triển hơn trong nhóm ASEAN 6. Tình trạng này đã ảnh hưởng xấu tới sự phát triển của các ngành công nghiệp cùng loại của các nước đó. Theo nhà nghiên cứu Indônêxia, Martin Manurung, ít nhất có 10 ngành chế tạo của Indônêxia chịu ảnh hưởng tiêu cực từ ACFTA. Đó là: dệt và sản phẩm dệt; công nghiệp thực phẩm và đồ uống, công nghiệp hóa dầu, công nghiệp sản xuất máy và thiết bị nông nghiệp, công nghiệp đồ lót, công nghiệp sợi tổng hợp; điện tử bao gồm thiết bị cáp và điện tử, công nghiệp sản xuất máy, xây dựng và công nghiệp thép. Tỷ lệ thất nghiệp do đóng cửa có thể lên tới 7,5 triệu người và dẫn tới gia tăng tình trạng nghèo khổ⁽¹⁹⁾. Còn theo Hiệp hội công nghiệp dệt ở Indônêxia, trong 2 năm qua đã có 271 nhà máy dệt đóng cửa do sự cạnh tranh của Trung Quốc⁽²⁰⁾.

Ở Malaixia, tình trạng đóng cửa của nhà máy sản xuất do tác động của ACFTA cũng đang diễn ra. Theo Phòng Thương mại và Công nghiệp Hiệp hội người Hoa của Malaixia, trong số hơn 4000 doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành dệt và quần áo may sẵn của nước này đã có 3000 doanh nghiệp đóng cửa⁽²¹⁾.

Ngoài sự phá sản của hàng loạt doanh nghiệp vừa và nhỏ trong các ngành công nghiệp tập trung lao động, Malaixia còn phải chứng kiến việc một số công ty như Motorola, Sony Electronics, Acer

Technology và Philips Semiconductors đã chuyển các nhà máy của họ sang Trung Quốc để khai thác chi phí lao động thấp và tận dụng các lợi ích từ ACFTA.

3. Một vài nhận xét

Từ thực tế về lợi ích và thua thiệt của các nước ASEAN 6 do tác động của việc hiện thực hóa ACFTA có thể rút ra một số nhận xét sau:

Thứ nhất, ACFTA đã giúp ASEAN và Trung Quốc đạt được mục tiêu cơ bản nhất khi quyết định xây dựng khu mậu dịch tự do này. Đó là gia tăng quan hệ mậu dịch và đầu tư giữa hai bên.

Thứ hai, liên kết kinh tế ASEAN-Trung Quốc, trong thực tế, chưa gây phương hại cho quan hệ kinh tế của Hiệp hội với các đối tác kinh tế khác. Ngược lại, ACFTA còn gián tiếp tạo ra lực đẩy cho quan hệ kinh tế giữa ASEAN và các nước đó.

Thứ ba, những tác động tiêu cực của ACFTA đối với mậu dịch và một số ngành công nghiệp của vài nước ASEAN là khó tránh khỏi, khi các nước đó tham gia vào tiến trình tự do hóa mậu dịch này với năng lực cạnh tranh thấp. Việc hàng hóa chế tạo của Trung Quốc tràn vào Indônêxia, Philippin là một thực tế. Tuy nhiên, sự tràn ngập hàng hóa giá rẻ nhưng chất lượng không thua kém hàng nội địa của các nước đó, không phải chỉ đem tới thua thiệt. Thật vậy, “Từ góc độ người tiêu dùng, ACFTA có tác động tích cực vì thị trường tràn ngập hàng hóa với giá thấp và có nhiều lựa chọn hơn”⁽²²⁾.

Cuối cùng, mặc dù đang phải chịu những thua thiệt trước mắt của một số ngành công nghiệp trong nước, dư luận chung ở Indônêxia, Malaixia và một số nước ASEAN khác đều thừa nhận các lợi ích của ACFTA ở tầm trung và dài hạn.

Do vậy, vấn đề đặt ra cho ASEAN cũng như cho các nước thành viên của nó “*không phải là hủy bỏ hiệp định mà là vận động để quản lý tốt hơn và hưởng lợi từ nó*”(23), đúng như khuyến nghị của hai nhà kinh tế Hank Lim and Simon Tay của Viện nghiên cứu Đông Nam Á, Xingapo .

CHÚ THÍCH:

(1) Dẫn theo H.E.Spshannathan, Deputy Secretary- General for ASEAN Economic Community trong bài phát biểu tại “ASEAN-China SME Conference, Ministerial Forum: “Maximising Trade under ACFTA – How ASEAN and China Benefit from FTA”, www.asean.org/ASEAN-ChinaSME.June.2011.pdf

(2) Số liệu trích từ “CHAIRMAN’S STATEMENT OF THE 14th ASEAN-CHINA SUMMIT “BALI, INDONESIA, 18 NOVEMBER 2011” www.asean.org/documents/19th%20summit/C-H-CS.pdf

(3) H.E.Spshannathan, Bài đã dẫn

(4) China-ASEAN 2011 bilateral trade to hit record high(www.asean-china-center.org/english/2011-11/17/c_13125205.htm)

(5) Số liệu dẫn từ “Seminar on China-Singapore Free Trade Agreement & ASEAN-China Free Trade Agreement : Seizing opportunities in Growing China & ASEAN Markets, 23 February 2011. (wvsbf.sg/download/dóc/eventsvc/event2011.02.23.pdf)

(6) Dẫn theo Firman Mutakin dan Aziza Rahmaniar Salam, “The impact of ASEAN-China Free Trade relations Agreement on Indonesia trade”. Bài đăng trên: Economic Review, No.218. December 2009 www.bni.co.id/portals/0/Document/Ulasan%20Ekonomy/Impact%200f%20ACFTA.pdf

(7) Số liệu dẫn từ bài “ASEAN- Japan Dialogue Relations (www.asean.org/5740.htm)

(8) Joint Statement of the 3rd ASEAN-U.S. Leaders' Meeting. Bali, Indonesia, 18, November 2011 www.asean.org/26742.htm

(9) Xem : H.E.S. Pushpanathan, Deputy Secretary- General for ASEAN Economic Community . Bài đã dẫn

(10) Số liệu lấy từ bài : China's direct investment to ASEAN countries reaches 2.57b(www.chinadaily.com.cn/business/2010-03/02/content_12104984.htm)

(11) Về các lộ trình này có thể tham khảo bài viết của Nguyễn Thu Mỹ *Xây dựng Khu mậu dịch tự do ASEAN – Trung quốc : Quá trình và những kết quả bước đầu // Nghiên cứu Trung Quốc , Số 10/ 2010*

(12) Dẫn theo H.E.S. Pushpanathan, Deputy Secretary- General for ASEAN Economic Community . Bài đã dẫn

(13) Số liệu dẫn từ bài “ASEAN- Japan Dialogue Relations (www.asean.org/5740.htm)

(14) Joint Statement of the 3rd ASEAN-U.S. Leaders' Meeting. Bali, Indonesia, 18 November 2011 www.asean.org/26742.htm

(15) Overview of ASEAN-EU Dialogue Relations www.asean.org/23261.htm

(16) Xem : Pushpanathan, Bài đã dẫn

(17) Các số liệu về thặng dư và thâm hụt mậu dịch của Ấn Độ với Trung Quốc được dẫn ra ở đây được dẫn lại từ bài “ICRA Indonesia Comment, “The impacts of ACFTA to Indonesia-China Trade “ icraindonesia.com/uploads/TheImpactsOfACFTA602511.pdf

(18) Bilateral Relations www.fmprc.gov.cn/eng/wjby/zjzg/yz/gjib/2787)

(19) Martin Manurung, “ACFTA: Indonesia's Next Agenda” [Martinmanurung.com/ /acfta-indonesia .](http://Martinmanurung.com/)

(20) Yang Mu and Heng Siam-Heng, “Promoting China-ASEAN Economic Cooperation under CAFTA Framework”. International Journal of China Studies , Vol. 1, No. 3, December 2010, pp. 675

(21) Emile Kok-Kheng-Yeoh, Kim Soo Yoo and Lionel Wei Li Liong “China and East Asian integration Inception of ACFTA and APEC “. International Journal of China Studies , Vol.1. No.1 January 2010 (cmsad.um.edu.my/images/ic/1/JCVINI/yeohyoliong.pdf)

(22) Đánh giá của ICRA Indonesia . Bài đã dẫn

(23) Hank Lim and Simon Tay : Free Trade : No Pain, No Gain ([TodayOnline.com/ /free-trade-No-Pain](http://TodayOnline.com/))

